

## PHÁT TRIỂN KHU VỰC CHÂU Á-THÁI BÌNH DƯƠNG NĂM 2012: BẠN CÓ BIẾT?

### Dân số

*Hơn 4,2 tỷ người sống trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong năm 2011, chiếm 60% dân số thế giới ...*

Đây là khu vực duy nhất trên thế giới có hai nước có số dân vượt quá 1 tỷ người là Trung Quốc và Ấn Độ.

*Tỷ suất sinh đã giảm trong khu vực; năm 2011, tỷ suất sinh toàn khu vực đã đạt "mức sinh thay thế (2,1 con/ phụ nữ) ...*

Đông và Đông Bắc Á, Bắc và Trung Á có tỷ lệ sinh thấp nhất trong khu vực, tương ứng với 1,6 con và 1,8 con/1 phụ nữ. Các mức sinh cao nhất được tìm thấy ở Nam và Tây Nam Á, 2,6 con và khu vực đảo Thái bình Dương, 3,6 con/1 phụ nữ.

Trong số nữ thanh niên (từ 15-19 tuổi) khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, giai đoạn 2005-2010, tỉ lệ sinh là 45,2 trẻ sinh-sống/1.000 phụ nữ, thấp hơn một nửa tỷ lệ của châu Phi và cao gần gấp ba lần tỷ lệ của châu Âu. Afghanistan và Nepal là hai nước duy nhất trong khu vực có tỉ lệ sinh của nữ thanh niên trên 100.

*Khu vực châu Á-Thái Bình Dương có tỷ số giới tính của trẻ em cao nhất trên thế giới ...*

Ở châu Á-Thái Bình Dương, tỷ số giới tính của trẻ em (số bé trai trên 100 bé gái từ 0-14 tuổi) là 110 trong năm 2011, cao hơn nhiều so với tỷ số giới tính trong tự nhiên (105). Tỷ số giới tính dân số trong khu vực là 104 (nam/100 nữ) trong năm 2011. Tỷ số giới tính trẻ em và tỷ số giới tính dân số cao hơn bất kỳ khu vực nào khác trên thế giới. Trong năm 2011,

Trung Quốc có tỷ số giới tính cao nhất khu vực, tỷ số giới tính trẻ em (121) và tỷ số giới tính dân số (108).

*Có 301 triệu người cao tuổi ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong năm 2011...*

Tỷ lệ người cao tuổi (từ 65 tuổi trở lên) ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã tăng từ 5,3% năm 1990 lên 7,1% trong năm 2011, chiếm 36% tổng số dân. Theo khu vực nhỏ hơn, tỷ lệ tăng của người cao tuổi là: 51% ở Đông và Đông Bắc Á, 42% ở Đông Nam Á, 31% ở Nam và Tây Nam Á, 20% ở Bắc và Trung Á, và 19% ở Thái Bình Dương.

Trong thập kỷ qua, tuổi thọ của cả phụ nữ và nam giới đã tăng lên ở tất cả nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương, theo số liệu sẵn có - sự tăng lên lớn nhất được thấy ở Nepal, tuổi thọ của nữ tăng 4,1 năm và của nam tăng 3,7 năm.

*Châu Á-Thái Bình Dương là khu vực đang đô thị hóa phần còn lại của thế giới...*

Từ năm 2005 đến năm 2010, tỷ lệ dân số thành thị của thế giới đã vượt tỷ lệ dân số nông thôn, tăng từ 49% năm 2005 lên 51% trong năm 2010. Châu Á-Thái Bình Dương, khu vực đô thị hóa chậm thứ hai trên thế giới, có tỷ lệ đô thị tăng từ 33% năm 1990 lên 43% năm 2011. Giữa năm 2005 và năm 2011, tỷ lệ dân số sống trong khu ổ chuột ở khu vực thành thị đã giảm từ 35% xuống 31%.

*Trong năm 2010, khu vực châu Á-Thái Bình Dương là nước chủ nhà của 53 triệu người di cư quốc tế ...*

Người di cư sống ở châu Á-Thái Bình Dương chiếm tới 25% tổng số dân di cư trên thế giới. Tỷ trọng

người di cư trong dân số khu vực châu Á-Thái Bình Dương là 1,3%.

*Trong năm 2011, có 2,4 triệu trẻ sơ sinh và 3 triệu trẻ dưới 5 tuổi chết, giảm 4% so với năm 2010...*

Trong giai đoạn 1990 - 2011, tỷ lệ chết của trẻ dưới 5 tuổi đã giảm khoảng một nửa, từ 83‰ năm 1990 xuống 42‰ năm 2011. Tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh giảm từ 61‰ năm 1990 xuống 33‰ năm 2011. Năm 2011, Afghanistan vẫn là nước có tỷ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi cao nhất (101‰), tiếp theo là Việt Nam (72‰), Tajikistan (63‰) và Myanmar (62‰).

Tỷ lệ chết của trẻ em dưới 5 tuổi thấp nhất trong khu vực đã ghi nhận được ở Nhật Bản và Singapore, ở mức 3‰ năm 2011.

*Tỷ lệ tử vong mẹ ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã giảm hơn 50% trong hai thập kỷ vừa qua, từ 379 ca tử vong mẹ tính trên 100.000 ca sinh-sống năm 1990 xuống còn 146 ca tử vong trên 100.000 ca sinh-sống vào năm 2010...*

Trong năm 2012 so với mức tử vong mẹ của năm 1990, đã cứu sống được hơn 200.000 bà mẹ. Tuy nhiên, vẫn có hơn 100.000 ca tử vong mẹ trong khu vực năm 2012, chiếm 37% tổng số ca tử vong mẹ trên thế giới. Có sự chênh lệch rất lớn về tỷ lệ tử vong của các bà mẹ giữa các nước thu nhập thấp và thu nhập cao: 260 ca tử vong mẹ trên 100.000 ca sinh-sống ở các nước có thu nhập thấp; và chỉ là 8 ca tử vong mẹ trên 100.000 ca sinh-sống ở các nước thu nhập cao. Tử vong của các bà mẹ liên quan chặt chẽ với chăm sóc trước khi sinh. Trong năm 2010, có khoảng 14 triệu phụ nữ sinh con không khám thai lần nào, và 22 triệu ca sinh con không có sự trợ giúp của các nhân viên y tế; trong đó khu vực Nam và Tây Nam Á chiếm tới 19 triệu ca.

*Trong năm 2010, khu vực châu Á-Thái Bình Dương có 191.066 người sống chung với HIV đã dùng thuốc kháng virus (ART), tăng so với năm 2009 ...*

Trong năm 2009, đã có thêm 14.400 trường hợp tử vong do AIDS so với năm 2005. Tuy nhiên, giữa năm 2000 và 2005, có 66.200 trường hợp tử vong do AIDS, đây được xem là một "sự tiến bộ".

*Sốt rét đã ảnh hưởng đến 10,6 triệu người ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong năm 2010 ...*

Ở châu Á và Thái Bình Dương, số trường hợp mắc bệnh sốt rét đã giảm trong giai đoạn 2005 -2010, giảm tới 575.000 trường hợp theo báo cáo hàng năm. Mặc dù có sự giảm về số trường hợp mắc bệnh sốt rét những vẫn có 3.310 người ở Châu Á và Thái Bình Dương chết do sốt rét trong năm 2010. Papua New Guinea có tỷ lệ mắc bệnh sốt rét cao nhất trong năm 2010, với 18.287 trường hợp tính trên 100.000 dân, sau đó là Quần đảo Solomon (13.660), Đông Timor (10.590) và Vanuatu (7023).

*Mặc dù tỷ lệ mắc bệnh lao đã giảm trong hai thập kỷ ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, nhưng vẫn có 5,9 triệu trường hợp nhiễm mới được báo cáo trong năm 2010 ...*

Ở châu Á và Thái Bình Dương có 142/100.000 người nhiễm lao mới được chẩn đoán vào năm 2010, và tổng số có 8,7 triệu người sống với bệnh lao.

*Ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương tỷ lệ hút thuốc ở nam cao hơn so với nữ ...*

Trong năm 2009, 42% nam giới ở châu Á và Thái Bình Dương hút thuốc (so với 37% của thế giới), 5% phụ nữ khu vực châu Á và Thái Bình Dương hút thuốc lá (so với 9% của thế giới).

*Trong hai thập kỷ qua, ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, sự tham gia của phụ nữ trong lực lượng*

lao động chung giảm, nhưng tăng trong các lĩnh vực phi nông nghiệp ...

Số lao động nữ tham gia vào lực lượng lao động khu vực châu Á và Thái Bình Dương đã giảm từ 65 nữ/100 nam làm việc trong 1991, xuống 62 nữ/100 nam làm việc trong năm 2010. Trong cùng kỳ, phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động tăng ở các ngành phi nông nghiệp, từ 49 nữ/100 nam làm việc trong 1991, so với 54 nữ/100 nam làm việc trong năm 2010.

Ở châu Á và Thái Bình Dương, 45% phụ nữ tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp trong năm 2009, so với 37% nam. Tỷ lệ phụ nữ làm việc trong ngành công nghiệp và dịch vụ giữ tương đối ổn định trong 20 năm qua, từ 17% năm 1991 lên 19% năm 2009 trong ngành công nghiệp, và từ 22% năm 1991 lên 36% trong năm 2009 trong ngành dịch vụ.

*Phụ nữ ở một số nước trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương được tiếp cận với đất đai và tài sản vẫn "rất hạn chế" ...*

Phụ nữ được tiếp cận với đất đai (theo phân loại của OECD) "rất hạn chế" trong đó có 7 nước thuộc khu vực Nam và Tây Nam Á (Afghanistan, Bangladesh, Ấn Độ, các nước Cộng hòa Hồi giáo Iran, Nepal, Pakistan và Sri Lanka), 2 nước ở Nam Đông và Nam Á (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Đông Timor), 2 nước ở Thái Bình Dương (Fiji và Papua New Guinea) và 1 nước thuộc Đông và Đông Bắc Á (Mông Cổ).

*Hầu hết các nước trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, vẫn có ít phụ nữ đại diện về chính trị ở cấp quốc gia và địa phương ...*

Về đại diện của nữ trong quốc hội châu Á và Thái Bình Dương, năm 2011, chỉ có hai nước của khu vực có tỷ lệ nữ chiếm hơn 30% số ghế đại biểu quốc hội là Nepal (33%) và New Zealand (34%).

*Số người sống trong nghèo đói cùng cực trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã giảm từ khoảng 1,7 tỷ người năm 1990 xuống 0,8 tỷ người trong năm 2010 ...*

Dựa vào các số liệu có sẵn, trong năm 2010 tỷ lệ người dân sống trong nghèo đói cùng cực (những người sống ở mức thu nhập dưới 1,25 đô la Mỹ/ngày tính theo sức mua tương đương) cao nhất ở Bangladesh (43%), tiếp theo là Ấn Độ (33%). Trong năm 2010, có 57% dân số khu vực châu Á và Thái Bình Dương sống trong nghèo đói cùng cực, giảm từ 71% năm 1990.

*Trong năm 2010, khu vực châu Á-Thái Bình Dương có 380 triệu người không được tiếp cận với nguồn nước được cải thiện và 1740 triệu người không tiếp cận với điều kiện vệ sinh được cải thiện ...*

Tính chung toàn khu vực, tỷ lệ dân số được tiếp cận với nguồn nước được cải thiện tăng từ 73% năm 1990 lên đến 91% năm 2010. Trong năm 2010, 97% dân số thành thị và 86% dân số nông thôn được tiếp cận với nguồn nước được cải thiện. Tỷ lệ dân số được tiếp cận với điều kiện vệ sinh được cải thiện đã tăng từ 36% lên 58% trong cùng kỳ. Ở nông thôn tỷ lệ này đã tăng từ 22% lên 46%, trong khi ở khu vực thành thị đã tăng từ 65% lên 75% tương ứng với năm 1990 và năm 2010.

### Môi trường

*Khu vực châu Á-Thái Bình Dương chiếm 50% tổng lượng khí thải CO<sub>2</sub> của thế giới trong năm 2009 (tăng từ 38% vào năm 1990) ...*

Trong năm 2006, tổng lượng khí thải dioxit Cacbon (CO<sub>2</sub>) của khu vực châu Á và Thái Bình Dương ở mức 14,5 tỷ tấn. Tuy nhiên tốc độ tăng hàng năm đã giảm. Trong năm 2009, tổng lượng phát thải CO<sub>2</sub>

tăng trong khu vực đã giảm 2,6%, từ mức 4,1% năm 2008.

Trong năm 2009, Trung Quốc là nước có lượng phát thải gây hiệu ứng nhà kính lớn nhất trên toàn thế giới, lên tới 6,8 tỷ tấn CO<sub>2</sub>, lớn hơn rất nhiều lần so với 1,1 tỷ tấn CO<sub>2</sub> của cả khu vực Bắc Mỹ. Tuy nhiên, năm 2009, tỷ lệ phát thải khu vực Bắc Mỹ tính bình quân đầu người cao gấp 3,3 lần so với Trung Quốc.

Các tiểu vùng với lượng phát thải carbon cao nhất trong năm 2009 là Bắc và Trung Á, với 824 gram khí thải CO<sub>2</sub> tính bình quân một đơn vị tổng sản phẩm quốc nội (tính theo sức mua tương đương - PPP 2005), Đông Nam Á là tiểu vùng có cường độ carbon thấp nhất, với 391 gram CO<sub>2</sub> trên một đơn vị tổng sản phẩm quốc nội (PPP năm 2005).

*Trong năm 2009, khu vực châu Á-Thái Bình Dương sản xuất năng lượng nhiều hơn bất kỳ khu vực nào khác trên thế giới, chiếm tới 46% tổng sản lượng toàn cầu ...*

Trong khu vực Châu Á và Thái Bình Dương, tiểu vùng sản xuất năng lượng cao nhất trong năm 2009 là Đông và Đông Bắc Á, tương đương với 2,3 tỷ tấn dầu, Thái Bình Dương là tiểu vùng sản xuất năng lượng thấp nhất, tương đương với 326 triệu tấn.

Tính bình quân đầu người, năm 2009, tổng cung cấp năng lượng chính (TPES) ở châu Á-Thái Bình Dương tương đương với 1.367 kg dầu, là 24% dưới mức trung bình của thế giới.

Giữa năm 2000 và 2009, sản xuất điện ở châu Á và Thái Bình Dương tăng bình quân 5,3%/năm, và chiếm lượng sản xuất điện thế giới tăng từ 34% đến 44%.

Đông và Đông Bắc Á sản xuất 5.262 tỷ kWh điện trong năm 2009, chiếm gần 60% tổng số điện sản xuất của khu vực châu Á-Thái Bình Dương, tính chung

sản xuất điện của Trung Quốc và Nhật Bản chiếm 4.744 tỷ kWh.

Giữa năm 2000 và 2009, mức tiêu thụ điện dân dụng đã tăng bình quân 6,8%/năm ở Nam và Tây Nam Á, trong khi ở khu vực Bắc và Trung Á lại giảm 1,2%. Tuy nhiên, trong năm 2009, Nam và Tây Nam Á vẫn là vùng có mức tiêu thụ điện hộ gia đình thấp nhất khu vực, bình quân đầu người là 169 kWh. Các hộ gia đình khu vực Thái Bình Dương tiêu thụ điện nhiều nhất, với mức 2.752 kWh/người, chủ yếu là do hiệu suất tiêu thụ điện cao của Úc và New Zealand.

*Trong năm 2009, khu vực châu Á-Thái Bình Dương chiếm 30% rừng nguyên sinh và 54% diện tích rừng trồng của thế giới ...*

Trong thập kỷ qua, tổng diện tích rừng trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương tăng 89.291 km<sup>2</sup>, nhưng có sự chênh lệch rất lớn giữa các tiểu vùng. Đông Nam Á bị mất khoảng 332.000 km<sup>2</sup> rừng, tương đương với diện tích của Việt Nam. Ngược lại, Đông và Đông Bắc Á đã tăng diện tích rừng 454.284 km<sup>2</sup>, lớn hơn diện tích Uzbekistan.

*Thiên tai đã giết chết (trung bình) hơn 70.000 người mỗi năm, trong thập kỷ qua ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, và trong năm 2011, tỷ chết do thiên tai đặc biệt cao ở Đông và Đông Bắc Á ...*

Trong năm 2011, khu vực châu Á và Thái Bình Dương bị thiệt hại rất lớn về người do thiên tai. Ở Đông và Đông Bắc Á có gần 21 nghìn người chết do thiên tai. Trong năm 2011, hơn 170 triệu người ở châu Á và Thái Bình Dương bị ảnh hưởng do thiên tai. Đông Nam Á đặc biệt gặp khó khăn do bị ảnh hưởng của thiên tai. Chỉ tính riêng năm 2011, có tới 14,3 triệu người ở Đông Nam Á bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Tính chung toàn thế giới, trong năm 2011, khu vực châu Á và Thái Bình Dương chiếm tới 83% số

người bị ảnh hưởng do thảm họa tự nhiên, 81% số người bị chết do thiên tai, và 80% thiệt hại về kinh tế do thiên tai.

Trong năm 2011, Đông và Đông Bắc Á là tiểu vùng bị thiệt hại kinh tế lớn nhất do thiên tai, chỉ riêng Nhật Bản đã chiếm tới 74% tổng thiệt hại kinh tế trong toàn khu vực.

### Kinh tế

*Bất chấp cuộc khủng hoảng tài chính đang diễn ra trên thế giới, khu vực châu Á-Thái Bình Dương vẫn duy trì mức tăng trưởng GDP dương trong năm 2010 ...*

Tăng trưởng GDP ở châu Á-Thái Bình Dương vẫn ở mức dương 6,6% năm 2010. Các nước thu nhập thấp và thu nhập trung bình thấp có tốc độ tăng GDP bình quân là 6,1% và 9,4% tương ứng. Tăng trưởng ở các nước có thu nhập trên mức trung bình và thu nhập mức cao là 5,5% và 4,5% tương ứng, gần bằng mức tăng của thế giới.

Tỷ lệ đầu tư trong nước ở châu Á và Thái Bình Dương trong năm 2010 tăng lên tới 3,9%, từ mức tăng trưởng âm trong năm 2009. Trong năm 2010, suất đầu tư trung bình của khu vực là 31% GDP.

*Tác động tiền tệ của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đang diễn ra khá rõ ràng trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương ...*

Lạm phát ở châu Á và Thái Bình Dương tăng từ 2,6% năm 2009 lên 3,8% trong năm 2010. Nhật Bản là nước duy nhất trong khu vực giảm phát trong năm 2010. Năm 2011, tỷ lệ lạm phát của ngân hàng trung ương đã giảm xuống ở mức thấp ở 5 trong số 26 nước của khu vực châu Á-Thái Bình Dương, theo số liệu có sẵn là 12 nước tăng và 9 nước không đổi. Ở châu Á và Thái Bình Dương, so sánh với đồng đô la Mỹ có 13

đồng tiền giảm giá, 26 đồng tiền tăng giá và có 24 đồng tiền tăng giá từ 2,0% trở lên.

*Năm 2010, so với các khu vực khác trên thế giới, khu vực châu Á-Thái Bình Dương có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất, ở mức 4,6% ...*

Tỷ lệ thất nghiệp ở tất cả các khu vực khác trên thế giới (châu Phi, 8,1%; châu Âu, 9,7%; Mỹ La Tinh và Caribê, 7,2%; Bắc Mỹ, 9,5%) đều cao hơn tỷ lệ thất nghiệp của châu Á và Thái Bình Dương năm 2010. Cơ cấu lao động làm việc chia theo lĩnh vực của châu Á và Thái Bình Dương, có 39% thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 37% thuộc lĩnh vực dịch vụ, và 24% thuộc lĩnh vực công nghiệp.

*Tỷ số làm việc trong dân số của nam cao hơn nữ ...*

Trong khu vực, tỷ số nam làm việc trong dân số là 76, trong khi tỷ số làm việc của nữ là 48. Đáng chú ý là có 6 trong 10 nước ở Nam và Tây Nam Á có tỷ số việc làm trong dân số của nam cao hơn gấp đôi của nữ.

*Trong năm 2011, với tổng số kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 36%, khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã vượt châu Âu để trở thành khu vực dẫn đầu về xuất khẩu hàng hóa...*

Trong năm 2011, thị phần của tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thế giới của châu Á và Thái Bình Dương (36,3%) cao hơn châu Âu (36,1%). Thị phần nhập khẩu hàng hóa thế giới trong khu vực, trong năm 2011 là 34,7%, thấp hơn nhiều thị phần của châu Âu (36,1%).

Trong thập kỷ qua, tỷ lệ xuất nhập khẩu hàng hóa từ khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã thể hiện kết quả đạt được lớn nhất, tăng từ 28,4% và 25,1% trong năm 2002 lên 36,3% và 34,7% trong năm 2011. Ngược lại, thị phần xuất khẩu hàng hóa thế giới của

châu Âu và Bắc Mỹ trong giai đoạn 2002-2011 đã giảm từ 43,6% xuống 36,1%, và từ 14,6% xuống 10,6%, trong cùng kỳ, tỷ trọng nhập khẩu giảm từ 41,1% xuống 36,1% và từ 21,2% xuống 14,9% tương ứng.

*Sự phụ thuộc vào thương mại trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã tăng hơn gấp đôi tính từ năm 1990 ...*

Được đo bằng tỷ số giữa xuất khẩu hàng hóa so với GDP, sự phụ thuộc khu vực về thương mại đã tăng từ 11% năm 1990 lên 31% năm 2011.

*Trong năm 2011, Trung Quốc là nước dẫn đầu về xuất khẩu và nhập khẩu dịch vụ trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương ...*

Giữa năm 2000 và 2011, thị phần xuất khẩu dịch vụ của Nhật Bản giảm từ 22% xuống 12,5%, và nhập khẩu dịch vụ giảm từ 29% xuống 14%. Thị phần xuất khẩu dịch vụ của Trung Quốc tăng từ 10% lên 16%, và thị phần nhập khẩu dịch vụ tăng gấp đôi từ 10% lên 20%, làm cho Trung Quốc trở thành nước xuất nhập khẩu dịch vụ cao nhất ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương, tiếp theo là Ấn Độ, thị phần xuất khẩu và nhập khẩu dịch vụ đã tăng hơn gấp đôi, từ 5% lên 13% và 5% lên 11%, tương ứng.

*Trong năm 2010, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khu vực châu Á-Thái Bình Dương tăng 23% ...*

FDI tăng từ 351 tỷ đô la năm 2009 lên 431 tỷ đô la trong năm 2010. FDI tính theo tỷ lệ GDP tăng trong ba tiểu vùng: Đông và Đông Bắc Á, 1,6%, Đông Nam Á, 5,0% và Thái Bình Dương, 2,6%.

Trong năm 2010, các nguồn chủ yếu của dòng FDI trong khu vực là Trung Quốc, Nhật Bản, Liên Bang Nga, và Hồng Kông. Tính chung, trong năm 2010, các

nước này đã cung cấp gần một phần năm tổng vốn FDI của thế giới.

*Kiểm hối của người lao động ở nước ngoài đóng góp đáng kể cho nhiều nước trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương ...*

Trong năm 2010, kiểm hối chuyển từ lao động nước ngoài ở châu Á và Thái Bình Dương tăng 12%, từ 125 tỷ đô la trong năm 2009 lên 140 tỷ đô la trong năm 2010. Tính theo tỷ lệ phần trăm GDP các nước nhận kiểm hối cao nhất là: Tajikistan (40%), Kyrgyzstan (27%), Nepal (21%), Samoa (20%), Bangladesh (11%) và Việt Nam (8%).

### **Sự kết nối**

*Hơn 50% dân số của khu vực châu Á-Thái Bình Dương có điện thoại di động trong năm 2008, và số lượng thuê bao tiếp tục tăng ...*

Tổng số thuê bao điện thoại di động ở châu Á và Thái Bình Dương đã tăng từ 52% năm 2008 lên 57% năm 2011, và tốc độ tăng chưa thấy có dấu hiệu giảm.

*Với hơn 1,1 tỷ người sử dụng Internet trong năm 2011, số lượng người sử dụng Internet ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương chiếm gần nửa (49,7%) tổng số người sử dụng Internet trên thế giới (2,3 tỷ) ...*

Trong giai đoạn 2005-2010, tốc độ tăng trung bình hàng năm về số người sử dụng Internet trong khu vực là 20% - cao hơn so mức trung bình của thế giới (13%). Tuy nhiên, tỷ lệ người sử dụng Internet (tính trên 100 người) trong khu vực ở mức 27% năm 2011 - dưới mức trung bình thế giới (33%).

*Trong năm 2011, chỉ tính riêng ở Trung Quốc đã tăng thêm hơn 30 triệu thuê bao băng thông rộng cố định mới, chiếm 50% sự gia tăng về tổng số thuê bao trên toàn thế giới (60 triệu)...*

Mặc dù có sự tăng lên rất lớn về số lượng thuê bao băng rộng cố định ở Trung Quốc, thì khu vực châu Á-Thái Bình Dương, tính bình quân có 6,7 trên 100 người sử dụng băng thông rộng, thấp hơn mức sử dụng ở Bắc Mỹ (29,1) và châu Âu (25,1).

*Trong năm 2010, trong số 20 cảng container hàng đầu thế giới (về năng lực xếp dỡ), khu vực châu Á-Thái Bình Dương, có 5...*

Năm cảng container hàng đầu ở châu Á và Thái Bình Dương đặt tại Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Hồng Kông, Trung Quốc.

*Trong giai đoạn 1995-2009, nhu cầu chung của châu Á và Thái Bình Dương về dịch vụ vận chuyển hành khách đường sắt tăng 76%, đến năm 2010 vận chuyển hàng hóa tăng 89% ...*

Năm 1995, đã có 1,2 nghìn tỷ hành khách-km và 2,9 nghìn tỷ tấn/km vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt ở châu Á và Thái Bình Dương. Trong năm 2009 là 2,2 nghìn tỷ hành khách/km, và năm 2010 là 5,5 nghìn tỷ tấn/km vận chuyển hàng hóa.

Vận chuyển đường sắt của Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản có lượng vận chuyển hành khách/km cao nhất vào năm 2009. Trong năm 2010, Trung Quốc, Ấn Độ và Liên bang Nga là các nước có lượng vận chuyển hàng hóa (tấn/km) cao nhất.

*Nửa số đường bộ trong mạng lưới của châu Á không đạt chuẩn đã được nâng cấp đạt mức chuẩn tối thiểu giữa năm 2004 và 2010 ...*

Khoảng 17.000 km đường bộ không đạt tiêu chuẩn châu Á đã được nâng cấp đạt mức chuẩn tối thiểu (đường bê tông đôi với hai làn xe) giữa năm 2004 và 2010, chỉ còn 8,0% đường bộ trong khu vực dưới mức chuẩn tối thiểu.

*Trong năm 2010, lượng khách du lịch nội địa (trong nước) khu vực châu Á-Thái Bình Dương đạt gần*

*250 triệu người (chiếm 27% tổng số lượng khách du lịch của thế giới) ...*

Số lượng khách du lịch nội địa trong khu vực đạt gần 250 triệu trong năm 2010, tăng 11% so với năm 2009. Trừ Thái Bình Dương, tất cả các tiểu vùng đều có tỷ lệ tăng khách du lịch trong nước ở mức hai con số. Trong khu vực, chi tiêu của khách du lịch trong nước tăng tới 350 tỷ đô la năm 2011, tăng từ 310 tỷ đô la năm trước đó. Trung Quốc, Malaysia và Thổ Nhĩ Kỳ phần lớn là khách du lịch trong nước.

*Khu vực châu Á-Thái Bình Dương chiếm hơn 25% tổng lượng khí thải CO<sub>2</sub> trên thế giới từ ngành công nghiệp vận tải trong năm 2009 ...*

Trong năm 2009, ngành công nghiệp vận tải trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã phát thải 1.752 triệu tấn CO<sub>2</sub> (lượng khí CO<sub>2</sub> phát thải trên toàn thế giới năm 2009 là 6.544 triệu tấn). Trong lượng phát thải đó, vận tải đường bộ chiếm 84%, vận tải hàng không chiếm 12,6%, và vận tải đường sắt chiếm 2,9%.

*Nguyễn Thái Hà (dịch)*

*Nguồn: Asia-Pacific Development 2012: Did you know?*  
<http://www.unescap.org/stat/data/syb2012/did-you-know.pdf>

### **(tiếp theo trang 32)**

Với hệ thống này, thông tin phản hồi có thể được thiết kế nhằm hướng tới phát hiện những sai sót của một học viên nào đó. Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả học tập, một học viên bị giới hạn số lượng là 4 phiên học và chỉ có thể tham gia duy nhất một chủ đề trong một tháng.

**(Còn tiếp)**

*Đinh Bá Hiên (dịch)*

*Nguồn: "E-learning System in STI, Statistics Korea: Achievements and Challenges" tại*  
<http://www.unece.org/stats/documents/2012.09.hrm.html>